

SỐ 58. — GIÁ 0\$40

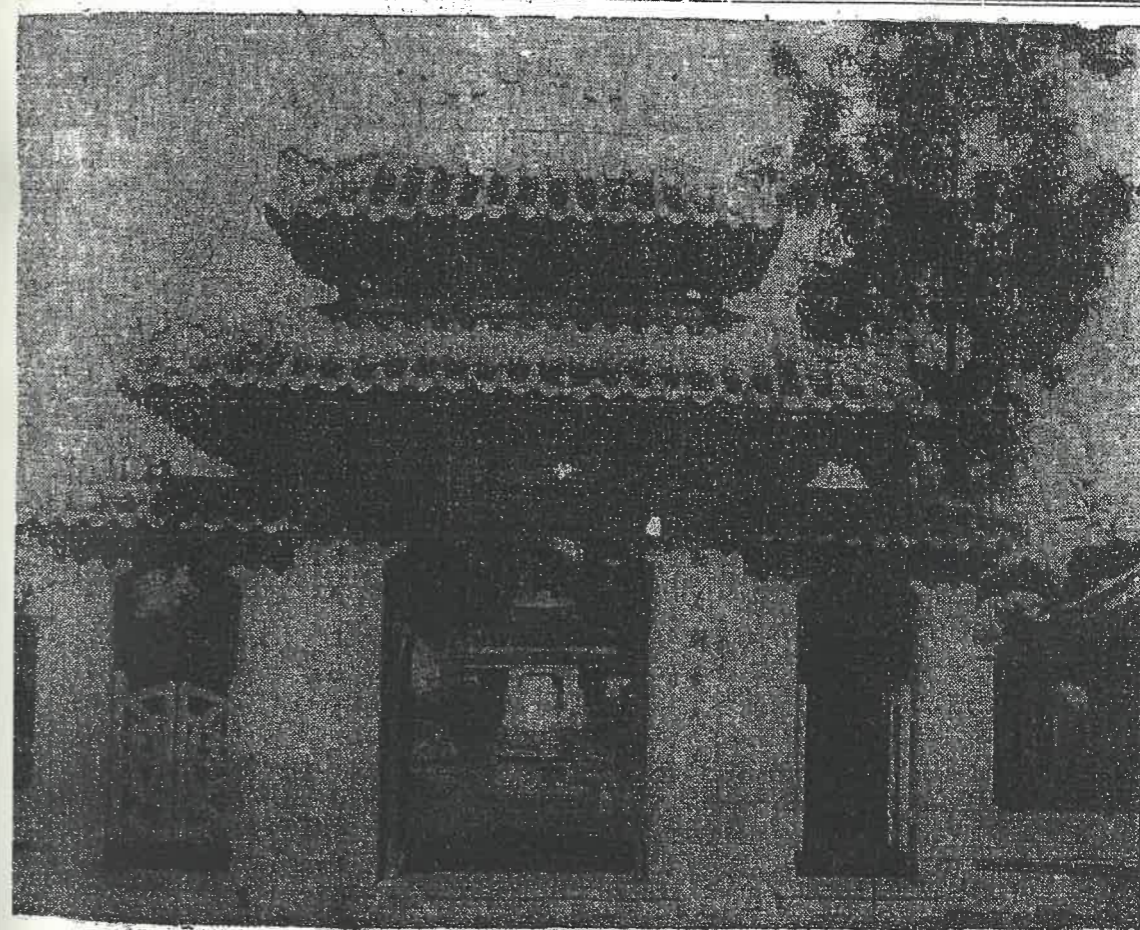
NGÀY 23 SEPTEMBRE 1943

# NAM KỲ

*Trần Lạc*

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG \*

BÁO QUÁN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



Cửa vào Văn-Thánh-Miếu, Long-Hồ (Vĩnh-long)  
Văn-Thánh-Miếu ở trong xa, ngay cửa giữa ngõ với Văn-Xương-Các ở ngõ T, phía tay mặt.



# Nhà - Nho



úc này là lúc cũng lễ đưc Khổng Phu-Tử về tiết thu. Số báo này là số báo đặc biệt về Chí-thành Tiên-sư Nho-giáo. Vậy nhắc tới nhà nho, tưởng không phải là nói chuyện trái mùa.

Trong khoảng mấy mươi năm sau này, hề nghe nói hai tiếng « nhà nho », thì nhiều người hoặc khinh-bí, nên mỉa cười, hoặc ngạc nhiên nên lo-láo.

Người ta đối với « nhà nho » như vậy, là vì hán-học hết dùng rồi lời kéo luôn nho-giáo suy sụp, đạo-đức lu mờ. Đồng thời lượn sóng tân-học lại tràn-lan, đâm thắm dân-gian với chủ-nghĩa cá-nhơn, với tư-tưởng vật chất. Các trường-hợp ấy tự nhiên gây trong tâm trí của người Việt-Nam sự khinh bí « nhà nho », cho « nhà nho » là vật cở-quái, không giống ai hết, mà cũng không hiểu chi hết.

Nếu đờ hết sự khinh bí ấy cho trường-hợp, thì sợ không đúng lắm. Lấy lẽ công-chánh mà phán-đoán, thì hạng « nhà nho » còn sống sót bây giờ cũng phải có tội một phần.

Vả « nhà nho » chẳng phải chỉ giữ khăn áo dật, chỉ biết đọc chữ Hán, chỉ lo nhắc những chuyện Ngũ Đế, hay Tam Hoàng. « Nhà nho » nếu muốn xứng đáng với danh-hiệu của mình, thì cần phải cư xử cho hiệp-nho-phong, luyện tập cho đủ-nho-hạnh, suy cứu kinh-thánh-truyện-hiển, thấu thập-tinh-hóa-nho-giáo, rồi đem đạo-đức sở-hữu mà cảm-hóa các người ở chung-quanh mình, dùng chỗ kiến-thức sâu xa của mình mà mở-mang trí-tuệ cho em-cháu. Vì dầu chưa đưc « Đức-hiệp-tri-thiên-địa » như bực-thánh-nhơn, hay là « Ngôn-túc-di-pháp-tri-thiên-hạ, đạo-túc-di-hóa-tri-bá-tánh » như bực-hiền-nhơn đi nữa, thì cũng phải chú-tâm đến mạng-vận của nước nhà, đến tương-lai của xã-hội, mà tru-tr về sự gìn-giữ cái tinh-hóa đạo-đức cho giống nói, phú-thất phần-tri-thức cùng tài-nghề cho hạng tân-học người ta lo-đào-tạo.

Giữa lúc đồng-bào ta từ nam chí bắc đưc lo phục-hưng luân-lý, kiến-trúc tinh-thần, đặng có đủ đức-dủ tài-má bước theo một nhịp với tân-Đại-Pháp, lại nhưn dịp Thu-đ'nh. là ngày cúng lễ Chí-thành Tiên-sư Khổng-Tử, chúng tôi kính-cầu xin các « nhà nho » hãy định-tâm mà nhớ lại cái nhiệm-vụ của mình, bởi vì nếu nhà tân-học lo ung-đức tài-trí cho thanh-niên, thì nhà cựu-học phải lo gieo-rắc đạo-đức cho xã-hội. Nhiệm-vụ của nhà tân-học thiết là cần-thiết, mà nhiệm-vụ của nhà cựu-học cũng cần-thiết lắm.

Vậy các « nhà nho » hãy đứng dậy!

Chúng tôi đưc mong-mỏi và chờ-đợi các ngài trên con đường phục-hưng.

NAM-KY TUAN BAO.

TIÊU - SỬ

# ĐỨC KHÔNG-TỬ

TIÊU-SỬ. — Đức Không-tử tên là Khưu, tự là Trọng-Ni, người làng Xương-bình, huyện Khúc-phụ, nay thuộc phủ Duyện-châu, tỉnh Sơn-dông, bên Tàu. Ngài đổng-đời người nước Tống (tỉnh Hà-nam). Ông tỏ ba đời ngài, đời sang đến ở nước Lỗ (tỉnh Sơn-dông). Thân-phụ ngài là Thúc-Lương-Ngột, làm quan vô, có chín người con gái và một người con trai, mang tật què chân. Đến lúc gần già mới cưới bà Nhan-thị, sinh ra ngài. Ngài sanh vào tháng 10, năm thứ 21, đời vua Linh-vương nhà Châu (551 trước Thiên-chúa).

Khi ngài lên ba tuổi thì ông thân-phụ mất. Thuở nhỏ, lúc chơi với trẻ, ngài hay bày đồ cúng-lễ. Điều ấy tỏ cái bản-tính của ngài trọng những điều lễ-nghĩa.

Năm mươi chín tuổi thì thành gia-thất, rồi ra nhận chức Ủy-lại, coi sự gặt thóc ở kho, sau lại làm Tư-chức-lại, coi việc nuôi-bò để dùng về việc cúng-lễ. Khi mẹ ngài từ-trần thì ngài xin từ-chức đặng về để tang.

Được hai mươi chín tuổi, ngài đi đến học ở Lạc-ấp, là chỗ kinh-đô nhà Châu. Ở Lạc-ấp có nhà Minh-đường của Châu-công lập ra, để chứa những luật lệ và những bảo-vật cùng các tượng-hình của các thánh-hiền đời trước. Ngài đến

đó khảo-cứu, Phạm ở đầu có việc gì quan-hệ đến sự lễ-lễ, như nổi tế Giao, tế Xã, là ngài cũng đi xem-xét rất tường-tận.

Không-tử ở Lạc-ấp đưc ít lâu rồi trở về nước-Lỗ. Từ đó sự-học của ngài rộng hơn trước, và học-trò theo ngài càng ngày càng nhiều. Đưc mấy năm, trong nước có loạn, ngài phải bỏ sang nước Tề. Vua nước Tề là Tề-hầu mời ngài đến hỏi việc chính-trị; ngài luận-bàn rất vira ý Tề-hầu. Tề-hầu toan lấy đất Ni-khê mà phong cho ngài, nhưng quan-đại-phu là Yến-Anh can ngăn không cho. Ngài thấy thế lại bỏ nước Tề trở về nước Lỗ. Bấy giờ đã 35, 36 tuổi, ngài về nhà dạy học trò



Hình bằng cẩm-thạch của Khổng Phu-Tử trong Văn-thánh miếu ở Khúc-Phụ (Sơn-dông).

và suy-xét cho tường-tận cái đạo của thánh-hiền đời trước.

Vua nước Lỗ vẫn không dùng ngài làm quan. Mãi đến ngài 51 tuổi, vua nước ấy mới dùng ngài, cất-nhắc ngài lên đến chức tể-tướng. Nhờ ngài mà việc chánh-trị rất hoàn-toàn, trật-tự phân-minh; thành-ra trong nước có cái cảnh-tượng rất phần-thạnh. Nhưng sau thấy vua say-mê từ-sắc, nên ngài xin từ-chức.

Từ đó ngài đi châu-du thiên-hạ, hết nước này đến nước kia. Lần-khi vua các nước muốn dùng ngài, nhưng các quan-đại-phu vì ganh-tị nên can ngăn luôn. Lúc trở về



nước Lỗ, thì ngài đã 68 tuổi. Bấy giờ ngài đã già rồi, không có ý ra làm quan nữa; ở nhà dạy học trò, san định lại các sách vở đời trước, như Kinh Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc và Kinh Xuân-thu.

\*\*\*

**ĐỨC-TÁNH.** - Đức Khổng-tử là một người rất ôn-hòa, nghiêm-trọng và kính cần. Sách Luận-ngữ chép rằng: *Phu-tử hòa mà nghiêm, oai mà không dữ, kính cần mà an-vui tự nhiên* (VII, 37). Lúc nào ngài cũng ung-dung và bao giờ cũng có cái vẻ tự-nhiên vui-vẻ. *« Phu-tử khi ở không trong nhà thì hình dáng khoan-thai, mặt mày tươi tắn »* (L. N. VII, 2). Thiên « Hưong-đang » trong sách Luận-ngữ tả rõ cử-chỉ của ngài trong những khi ăn-uống, nằm ngồi, không bao giờ là không cầu lấy sự ngay chánh kín đáo; lúc vào chỗ miếu đường, đối với vua, với quan, lui tới rất kính cần, điều gì cũng giữ cho bạp lễ-phép, để bày tỏ cái đạo của người quân-tử: lúc động, lúc tĩnh, lúc nào cũng có thể làm gương cho người ta bắt-chước. Ngài bình sanh rất cần-thận về ba điều: là việc lễ-tự, chính-chiến và binh-tật.

Ngài là một người rất nhân-hậu. Khi ăn cơm ở cạnh người có tang, thì ăn không no, và ngày nào đi viếng người chết thì suốt cả ngày không đờn ca.

Mà tính ngài thời ưa âm-nhạc lắm. Ngài thường lấy đờn và hát làm cái thú tiêu khiển. Ông-tử thuật rằng: *« Phu-tử lúc ở nước Tề, học nhạc thiếu ba tháng, ăn không biết mùi thịt »*. Ngài nói rằng: *« chẳng ngờ học nhạc vui đến được như thế »*. Ngài đàn hát với ai người ta hát câu nào hay thì biểu hát lại đặng ngài họa theo.

Ngài là một bậc chí-thành, chí-nhân, mà ngài vẫn khiêm-tốn. Ngài nói rằng: *« Nếu bảo ta là thánh, là nhân, thì ta sao dám đương, nhưng ta làm việc thánh, việc nhân không chán, dạy người không mỏi, có thể cho ta được như thế mà thôi »*.

Ngài lúc nào cũng ôn-hòa vui vẻ, một hôm thầy Tử-Lộ hỏi ngài rằng: *« Người quân-tử có buồn không? »* Ngài trả lời rằng: *« Không buồn gì. Cách sửa việc làm của người quân-tử, lúc chưa được đạt cái chí, thì vui ở cái ý muốn của mình, lúc đã đạt được rồi, thì vui ở việc làm của mình. Cả đời lúc nào cũng vui, không có một ngày nào buồn. Kể tiêu-nhơn thì không*

*thế. Khi chưa được thì lo không được, khi đã được rồi lại sợ mất cái đã được. Bởi thế chỉ lo suốt đời, không có một ngày nào vui vậy. »* Cho nên đức Khổng-tử thường khen thầy Nhan-Hồi mà rằng: *« Nhan-Hồi, hiền thay! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở chỗ nghèo hèn, giá người khác ở vào cảnh ấy, thì lo buồn không chịu được, thế mà Nhan-Hồi không bao giờ đổi cái vui của mình. Hiền thay, Nhan-Hồi! »* Ngài cũng nói: *« Ta làm người, hề có việc gì nghĩ chưa ra, thì nghĩ đến quên ăn, nghĩ ra được, thì vui quên mất cả cái lo, không biết cái già đã sắp đến vậy. »*

\*\*\*

**SỰ GIÁO HOÀ.** - Ấy tánh tình của đức Khổng-tử như vậy, nên học trò theo học với ngài rất đông. Trước sau cả thầy đến ba ngàn người. Trong số đó được bảy mươi hai người có thể gọi là bậc hiền.

Ngài dạy học theo lối truyền miệng. Hễ ai hỏi điều gì không hiểu, hay là nghĩ việc gì không ra, thì đem hỏi ngài. Ngài sẽ tùy theo tư-chắc từng người mà lựa lời ôn-hòa chỉ-hảo cho. Ai nghe ngài giảng dạy điều gì, thì ghi nhớ lấy để ngâm nghĩ mà sửa mình, hoặc để ứng dụng ở đời. Lối ngài dạy như thế, cho nên có nhiều điều như nhân, hiếu, chính v. v... ngài nói với mỗi người mỗi khác.

Ngài dạy điều gì cũng để cho học-trò phải cố sức suy nghĩ tìm tòi lấy, khi nào xem chừng gần gần hiểu được, nhưng còn chưa suốt được mọi lẽ, hoặc chưa giải diễn ra được cho rõ ràng, thì ngài mới chỉ bảo cho. Ngài nói rằng: *« Người nào không nói: làm thế nào? làm thế nào? thì ta cũng chẳng làm sao được »*. Ai mà tự mình không cố sức suy xét cho kỹ các lẽ, thì dầu có dạy cũng không ích gì. Đức Khổng-tử cho rằng sự học là tự mình phải gắng sức luôn luôn. Vậy nên ngài dạy người ta thường chỉ gọi lên một mối rồi để người ta tự mình phải suy nghĩ ra mà hiểu lấy. Ngài nói: *« Vật có bốn góc, bảo cho biết một góc mà không suy ra ba góc kia, thì không dạy nữa »*.

Không phải nghĩ cố ý giấu học trò điều gì. Ngài nói: *« Các trò tưởng ta có giấu gì các trò chăng? Ta không giấu các trò điều gì cả; ta không làm điều gì mà không cho các trò biết. Ta thật thế vậy »*. Nhưng ngài nghĩ rằng, nhân-loại số nhiều chỉ hiểu được những điều thiên-cận giản-dị mà thôi. Còn những điều uyên-áo cao-ra, dầu có đem ra giảng dạy, người ta cũng không hiểu hết cả mọi ý-nghĩa, thành ra làm rối loạn trí người ta mà không được việc gì.

(Coi tiếp qua trang 14)

# ĐỨC THÁNH KHÔNG

## VỚI THIẾT-GIỚI ĐẠI-DÔNG

**L**ẽ ra, non ngày lễ kỷ-niệm đức thánh Không, tôi phải có một bài gì tham-bác đến công-đức hay đời đạo-lý của Ngài mới phải. Nhưng chính e công-đức ấy sáng quá, không thể làm cho tỏ thêm được, đời đạo-lý ấy cao quá, ý đạt không tới, mà phải dặc tội với liền-nhơn. Và xin nhường đề ấy lại cho các bậc thức-giả cao-kiến.

Khổng-tử, Ngài vốn chuộng hoà-hình, mà hôm nay, kể bắt tài này, để kỷ-niệm Ngài, lại bắt dặc dĩ phải nhắc sơ sự xung-đột của tin-ngưỡng tôn-giáo nơi đất Việt.

Nguyên năm 111 trước tây-lich, vua Vô-đê nhà Tây-Hán sai Lộ-Bác-Đức và Đương-Bộc sang đánh lấy nước Nam-Việt, đổi làm Giao-Chỉ bộ, chia ra chín quận, mỗi quận có quan Thái-thủ coi việc cai-trị, đặt dưới quyền giám-sát của một quan Thứ-sử.

Đời vua Hiếu-Hiến-tế, nhà Đông-Hán bên Tàu, quan Thái-thủ quận Giao-Chỉ là Sĩ-Nhiếp (187-226) chăm sự giáo-hóa dân-chúng, lấy Thi, Thư giảng giải để mở rộng đường tri-thức, khai-hông cho đạo Không ở xứ này mà sự hưng thịnh tồn tại cho đến đầu thế-kỷ thứ hai mươi. Tuy Hán-học chấm dứt với khoa thi hương chót ở Bắc-kỳ năm 1915 và với khoa Mậu-ngọ ở Trung-kỳ năm 1918, nhưng Nho-giáo chấm rề trong dân-gian đã trót hai ngàn năm, nên không thể tiêu diệt được.

Thiệt vậy, Không-giáo ở ta bắt nguồn từ đời Sĩ-Nhiếp, tức là vào khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba sau Tây-lich, đã trải qua ngót hai mươi thế-kỷ thấm nhuần khắp non sông Đại-Việt.

Nhờ đón xem số báo tới có bài nói về Phụ-nữ, Thanh-niên và nhiều hình ảnh rất ngộ, rất đẹp.

Bởi thế nên tư-tưởng, phong tục và lập-quan đều phải khuôn vào vòng luân-lý của Không-giáo.

Xã-hội Việt-Nam trước thời Pháp thuộc vốn chia ra làm bốn đẳng cấp gọi là tứ-phương, gồm có sĩ, nông, công, thương nhưng tại sao sự phản-động chỉ gây nên do ở giai-cấp nho-sĩ, môn-đệ của Không-giáo? - Là vì trước kia, nếu có một hạng người được diễm-phúc vô ra nơi sân Trình, cửa Không (hạng người ấy thuộc về-thiền số), chúng ta nên kể một phần đông dân chúng cây sâu cuộc bầm để nuôi sống cả nước nhà. Nếu ngày nay, nước Nam ta được Pháp Quốc khai-hoá đã lâu, sự học mở mang hơn-trước nhiều, mà số dân chịu nạn thất-học-vầu còn chiếm phần nhiều, thì chúng ta nên hiểu rằng cái số dân đói nát phải cây sâu cuộc bầm từ trước kia lại còn lên đến mực nào nữa? Cái số nông-dân ấy đông lắm, nên nhiều nhà xã-hội-học cho rằng xã-hội Việt-Nam ta xưa và nay vẫn xây trên nền-tảng kinh-tế nông-nghiệp. Đời sống nông-dân rất bình-thản và giản-dị, giản-dị như cái luân-lý của họ. Luân-lý nào lại không dạy người ta kính mến ông bà, cha mẹ, không nên giết người, không nên cướp của, làm việc phải, tránh việc quấy? Gia-tổ-giáo, Phật-giáo, Không-giáo hay một đạo nào khác cũng đều gặp nhau ở chỗ cơ-sở luân-lý ấy. Phần đông dân-chúng thuộc giai-cấp nông-dân thất học dầu theo đạo nào cũng không thể vượt đến vầu-đề siêu-hình là phần thâm-viễn của đạo, cũng chỉ quanh-quẩn ở chỗ hạ-tầng của luân-lý đạo ấy. Thế thì đạo nào họ cũng có thể theo được. Đức thánh Không, phát Thích-Ca, hay đức chúa Trời, ai họ cũng có thể sùng bái được.

Vậy về mặt tôn-giáo, thì đạo mới của Tây-phương đem lại chỉ gặp trở lực ở giai-cấp sĩ-phiệt như tôi vừa nói trên kia mà thôi.

Trở lực ấy có nhiều duyên cớ, mà vì khuôn-khó chật hẹp của bài này nên không thể kể ra được.



Tôi cần dần-giải dài dòng là để đi đến kết-luận và cũng là đầu đề của câu chuyện này : « Đức thánh Khổng và một thế-giới đại-dồng ».

Trong lịch-sử thế-giới, những cuộc tàn-sát lẫn nhau của một hay hai dân-tộc vì một tín-ngưỡng tôn-giáo lại chứng tỏ một sự sai-lầm của nhơn-loại. Đạo nào lại không tìm cách cho người ta đi đến chỗ hoạn-thiện ?

Thế nên ở Kinh-Dịch, thiên Hệ-từ-hạ. Khổng-tử ngài có cho rằng « Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ. nhất trí nhi bất lực » : Thiên-hạ tuy có nhiều đường khác nhau, nhưng cũng về một chỗ, trăm lo nhưng cùng về một mối, cho nên ngài không bài bác công-kích đạo nào cả. Ngài nói rằng : « Công hồ dĩ doan, tư hại gia dĩ : Công-kích đạo khác là chỉ hại mà thôi. » (Luận-ngữ : Vi-chánh, II).

Lại một hôm vua Cung-Vương nước Sở làm rơi mất cây lương cung ; các quan tâu xin cho người đi tìm. Cung-Vương trả lời rằng : « Vua Sở mất cung, người nước Sở lượm được, tất là không mất ». Có người đem chuyện ấy thuật lại với Khổng-tử, Ngài phê rằng : « Tiếc thay cái ý còn hẹp ! Sao không nói : người này mất cung, có người khác lượm được, nói thế cũng đủ cần gì phải nói là người nước Sở. » (Khổng-Tử gia ngữ-quyển 2) Xem câu này, người ta hiểu lòng nhân-ái của Khổng-tử đã đáp đở các cương-giới chánh-trị mà lan tràn khắp thiên-hạ.

Người nước Sở, Vệ, Lương, Trần, đều là anh em và suy đó người đạo Nho, Phật, Lão hay Gia-tô cũng đều là anh em cả.

Giữa lúc khắp vùng Đông Tây, Âu Á, khói đạn mịt trời bay, làm cho muôn vạn sanh linh dương loai nhoi trong đau khổ, nếu lòng nhân-ái của đức thánh Khổng được mọi người rộng hiểu, thì có phải các dân tộc dương cầu xé, chém giết lẫn nhau đều dẹp bỏ các thù hềm nhỏ-nhơn rồi hương nhau, mến nhau, để đưa nhơn-loại đến một thế-giới đại-dồng không ?

Tôi nhớ có một vị bác-sĩ người Pháp nào đó, sau khi thăm quê hương đức thánh Khổng, ước mong rằng một ngày kia, nhơn loại ở khắp châu Âu, Mỹ, Á sẽ cùng chung nhau hợp sức dựng một cái miếu lớn, mà trong chánh-diện thì thờ đức Khổng-tử. Cảnh bên sẽ bày tượng tứ-phối, thập-nhi triết, thất-thập-nhi hiền. Trong miếu cũng có Socrate và các môn-đệ như Platon, Xénophon, Aristote, Epicure, Descartes thì cùng một ngôi vị với Sénèque, Spinoza, Montesquieu, Rousseau, Kant, Goethe, Auguste Comte . . .

Nhơn-loại đến chừng ấy sẽ cùng nhau giao-hào.

Cái thế giới đại-dồng xây trên lòng nhân-ái của Khổng-tử và cái thế-giới đại-dồng hàm nghĩa trong lời ước nguyện của vị bác-sĩ Pháp đến nay, than ôi ! vẫn còn là một ảo-mộng ! vì trong lúc tôi đương viết đây, và các bạn đương đọc đây, thiên hạ vẫn còn chém giết lẫn nhau !

Thế-giới đại-dồng không thiết-hiện được, nhơn loại còn trăm luan, đọa-lạc đến kiếp nào mới thôi ?

Thế nên nói chuyện một thế-giới đại-dồng nhơn lễ kỷ-niệm đức thánh Khổng, kẻ viết bài này rất mong quý bạn đọc không cho là một việc làm trái mùa vậy.

HƯƠNG-TRA

RÉGION SAIGON-CHOLON

AVIS D'APPEL D'OFFRES

Lieu, date et heure de l'Appel d'Offres

Bureau du Chef des Services Administratifs de la Région, le Vendredi 15 Octobre 1943, à dix heures.

OBJET : Travaux d'aménagement d'un village de pailotes à Thanh-My-Tây. IMPORTANCE APPROXIMATIVE. — CENT ONZE MILLE PIASTRES (111.000 \$). CAUTIONNEMENT PROVISOIRE. — MILLE HUIT CENT CINQUANTE PIASTRES (1.850 \$00).

CAUTIONNEMENT DÉFINITIF. — TRENTE SEPT MILLE FRANCS (37.000 f 00). BUREAU OU LE DOSSIER D'APPEL D'OFFRES PEUT ETRE CONSULTE. — Bureau de l'Ingénieur Principal, Chef des Services Techniques de la Région Saigon-Cholon.

Saigon, le 9 Septembre 1943. L'ADMINISTRATEUR DE LA RÉGION DE SAIGON-CHOLON. J. P. PARISOT.



QC sách chúng tôi thường thấy có nhiều chỗ nói đức Khổng-Tử có tới ba ngàn đệ-tử, nhưng trong số ấy chỉ có 72 người Hiền.

Nay khảo trong « Trung-hoa Sử-ký », chúng tôi lại thấy có biên lời của đức Khổng-Tử như vậy : « Thọ nghiệp thần thông giả thất thập hữu thất nhơn, giai dĩ năng chi sĩ dã ». Rồi lại có lời chú giải nói số người Hiền thiết là 77 vị, nhưng vì Văn-Ông vẽ đồ-hình để thờ trong miếu Khổng-thánh bên Trung-quốc, chỉ vẽ có 72 vị thôi, bởi vậy người ta mới tưởng có 72 hiền-nhơn.

Còn trong bộ « Khổng-Tử gia-ngữ », quyển thứ 9, bài giải thứ 38, thì nói 72 đệ-tử nhưng biên tên ra thì lại biên tới 74.

Chúng tôi trích lục trong « Trung-hoa Sử-ký » mà biên đủ tên 77 ông hiền ra dưới đây và cũng biên luôn những chỗ không phù-hiệp với « Khổng-Tử gia-ngữ », để cho các bạn muốn khảo-cứu Nho-giáo xem xét.

Tên 77 ông Hiền theo « Trung-hoa Sử-ký » :

- 1 Nhan-Hồi tự Tử-Uyên (người nước Lỗ), 2 Mãn-Tồn tự Tử-Khiên (Lỗ), 3 Nhiễm-Canh hay Hữu tự Bá-Ngưu (Lỗ), 4 Nhiễm-Ung tự Trọng-Cung (Lỗ), 5 Nhiễm-Câu tự Tử-Hữu (Lỗ), 6 Trọng-Do tự Tử-Lộ (Áp-Biện), 7 Tề-Dư tự Tử-Ngã (Lỗ), 8 Doan-Mộc-Tứ tự Tử-Công (Vệ), 9 Ngón-Yên tự Tử-Du (Ngô), 10 Bốc-Thượng tự Tử-Hạ (Vệ), 11 Chuyên-Tôn-Sư tự Tử-Trương (Trần), 12 Tăng-Sâm tự Tử-Dư (Lỗ), 13 Đạm-Đài Diệc-Minh tự Tử-Vô (Vô-Thần-Lỗ), 14 Tắc-Bắc-Tề tự Tử-Tiền (Lỗ), 15 Nguyên-Hiến tự Tử-Tư (Lỗ), 16 Công-Giã-Trương tự Tử-Trường (Tề), 17 Nam-Cung-Quát tự Tử-Dung (Lỗ), 18 Công Triết-Ai tự Tử-Thư (Tề), 19 Tăng-Điêm (cha Tăng-Sâm) tự Tích (Lỗ), 20 Nhan-Vô-Do (cha Nhan-Hồi) tự Lộ (Lỗ), 21 Thương-Cù tự Tử-Mộc (Lỗ), 22 Cao-Sài tự Tử-Cao (Vệ), 23 Tắc-Điền-Khai tự Tử-Khai (Lỗ), 24 Công-Bá-Liêu tự Tử-Châu (Lỗ), 25 Tư-Mã-Canh tự Tử-Ngưu (Lỗ), 26 Phan-Tu tự Tử-Trì (Lỗ), 27 Hữu-Nhược tự Hữu (Lỗ), 28 Công-Tây-Xích tự Tử-Hoa (Lỗ), 29 Vu-Mã-Thị tự Tử-Kỳ (Lỗ), 30 Lương-Chiến tự Tử-Thúc (Tề), 31 Nhan-Hành tự Tử-Liêu (Lỗ), 32 Nhiễm-Nhự tự Tử-Lỗ (Lỗ), 33 Tào-Truật tự Tử-Thần, 34 Bá-Kiên tự Tử-Tích, 35 Công-Lôn-Long tự Tử-Thạch (Sở), 36 Nhiễm-Quý tự Tử-Sáng (Lỗ), 37 Công-Tổ Củ-Tư tự Tử-Chi, 38 Tân-Tổ tự Tử-Nam (Tần).

KHÔNG PHU-TỬ ĐỆ-TỬ

- 39 Tắc-Điền-Xá tự Tử-Liêm (Lỗ), 40 Nhan-Cao tự Tử-Kiên, 41 Tắc-Điền-Đồ-Phủ, 42 Nhượng-Từ-Xích tự Tử-Đồ (Tần), 43 Thương-Trạch tự Tử-Quý, 44 Thạch-Tác-Thục tự Tử-Minh, 45 Nhậm-Bất-Tề tự Tuyên (Sở), 46 Công-Lương-Nhự tự Tử-Chánh (Trần), 47 Hậu-Xử tự Tử-Lý (Tề), 48 Tân-Nhiêm tự Khai, 49 Công-Hạ-Thủ tự Thừa, 50 Hồ-Dung-Điêm tự Tử-Tích (Vệ), 51 Công-Kiên-Định tự Tử-Trung (Lỗ), 52 Nhan-Tổ tự Trương (Lỗ), 53 Yêu-Thiện tự Tử-Gia, 54 Củ-Tĩnh-Cương (Vệ), 55 Hãn-Phủ-Hắc tự Tử-Sách, 56 Tân-Thương tự Tử-Phi (Lỗ), 57 Thân-Đản tự Châu (Lỗ), 58 Nhan-Chi-Bộc tự Tử-Thúc (Lỗ), 59 Vinh-Cân tự Tử-Kỳ, 60 Huyền-Thành tự Tử-Kỳ (Lỗ), 61 Tả-Nhơn-Sinh tự Hành (Lỗ), 62 Yên-Cấp tự Tư, 63 Trịnh-Quốc tự Tử-Đồ, 64 Tân-Phi tự Tử-Chi (Lỗ), 65 Phi-Chi-Thương tự Tử-Phạ, 66 Nhan-Khoái tự Tử-Thỉnh (Lỗ), 67 Bộ-Thúc-Thặng tự Tử-Xa (Tề), 68 Nguyễn-Cang-Tịch, 69 Nhạc-Khai tự Tử-Tĩnh (Lỗ), 70 Liêm-Khiết tự Dung (Vệ), 71 Thúc-Trọng-Hội tự Tử-Kỳ (Lỗ), 72 Nhan-Hà tự Nhiêm (Lỗ), 73 Dịch-Hắc tự Tích, 74 Khuê-Tôn tự Tử-Liêm (Lỗ), 75 Kkông-Trung tự Tử-Miệt, 76 Công-Tây-Dư-Như tự Tử-Thượng, 77 Công-Tây-Điêm tự Tử-Thượng (Lỗ).

Trong « Khổng-Tử gia ngữ » thì không có tên những ông này : Tắc-bất-Tề (14), Công-bá-Liêu (24), Tắc-điền-Đồ-Phủ (41), Tân-Nhiêm (48), Hồ-dung-Điêm (50), Công-kiên-Định (51), Yêu-Thiện (53), Trịnh-Quốc (63), Nhan-Hà (72).

Mà « Khổng-Tử gia ngữ » lại có biên những tên này, không có bên « Trung-Hoa Sử-Ký » : Cầm-Lao tự Tử-Khai (Vệ), Trần-Cang tự Tử-Nguon, nhất tự Tử-Cầm, Hồ-Châm tự Tử-Giai, Tiết-Bang tự Tử-Tùng, Huyền-Đản tự Tử-Tượng, Công-Tân tự Tử-Trung, Tắc-Điền-Tùng tự Tử-Văn.

Lại « Khổng-Tử gia ngữ » khác với « Trung-hoa Sử-Ký » về mấy chỗ này :

- 9 Ngón-Yên (Lỗ), 12 Tăng-Sâm (Nam-Vô-Thành), 15 Nguyên-Hiến (Tống), 20 Nhan-Do tự Tử-Lộ, 22 Cao-Sài (Tề), 23 Tắc-Điền-Khai tự Tử-Nhược (Thất), 29 Vu-Mã-Thị (Trần), 32 Nhiễm-Nhự tự Tử-Ngưu, 35 Công-Tôn-Long (Vệ), 42 Nhượng-từ-Xích tự Tử-Tùng, 56 Tân-Thương tự Tử-Bất-Tề, 60 Huyền-Thành tự Tử-Hoành, 61 Tả-Sinh tự Tử-Hành, 68 Nguyễn-Cang tự Tử-Tích, 70 Liêm-Khiết tự Tử-Tào, 73 Dịch-Hắc tự Tử-Chi.

CỔ-NGUYỆT-TRANG cần lục



# LÀM SAO CHO KHỎI

## thẹn với Thánh-Nhơn

**N** GÀY xưa, lúc kiếm hai chức Tư-không và Tư-khẩu nước Lỗ (1), đức Khổng-tử ngồi trên trăm quan, lại một niềm « *ngay thẳng như công-ly, nghiêm trang như đức-hạnh* », nên đầu đó có trật-tự, đời sống thật điều-hoà. Ngài định đem cái đạo-ngĩa tbi-nghiêm ở nước ấy nên làm việc say mê, ít ăn ít ngủ, vì vậy trông mình trở nên lao nhọc. Các môn đệ khuyên ngài ngồi nghĩ ít lâu để phục sức khoẻ. Ngài chịu lòng, nhưng chỉ nghĩ tình-dường một ngày thôi.

Thế mà trong ngày ấy vua nước Lỗ bỗng trở nên hôn-ám, say-sưa với đám mỹ nữ phi-tàn. Còn « *hàng vô quan thì bộ binh-thơ; hàng văn-thần quên hết kinh-sách* ».

« Tiên hồ, thuyền bè đua nhau tập nập, ruợu-trà yến ẩm, đàn ngọc hát hay, tiếng nơi giọng cười bay óng đóa này từng sao.

« Đồi khi, một vị hoàng-thân, một viên đại tướng thế huyện vào bờ, bắt lấy một cô mỹ-nữ đem về tư-thất, mây xanh tốc bạc, tha hồ gần gũi phi tình.

« Tiếng đàn từ giữa hồ đưa đến ngoài thành, sự hoan lạc từ kẻ quyền-qui lan-truyền đến hàng dân-giá. Ai ai cũng nong nả cái bộ cái ách đạo nghĩa; bỏ bước mình vào khuê-khê bấy lâu. Những cửa phòng khuê bỗng mở to. Trong bóng tối, thấp-thoảng bóng nữ-nhi đi tìm sự hoan-lạc.

« Nhiều vị lệ-quan đương cứng cỏi ở Thái-miếu với vàng vém hương, đổi giấy ch' mau để tìm đến xóm Yên-hoà. Nơi Tam-pháp-từ, một viên đồ-sát đứng chơn trước cửa viện, thờ dài một hơi hỏi trẻ ra mà rằng:

« Ô-hò! thời buổi thiếu-niên của ta đâu rồi? »  
« Chỉ trong vùng một đêm, bao nhiêu công-tích mà Khổng-Tử gây dựng trong mấy năm đành thất-trôi theo giòng nước!»

Đức Khổng-tử ngoa-ngân bên bờ nước Lỗ mà đi. Ngài ngồi xe bò trải qua 72 nước chư-hầu, định cố-kết với những minh-quân mà cho lưu-hành đạo-ngĩa của ngài. Nhưng bấy giờ, đầu đó chỉ nghĩ đến sự đánh giết nhau, không một ai biết nghe giáo-ly của bực chí-thành. Đức Khổng-tử lại trở về nước Lỗ, thay đổi chí-hướng, không còn lo đến việc hành-chánh nữa, chỉ viết sách và giáo-hóa đệ-tử. Nhờ đó mà ta mới biết đến Thất-thập-nhi hiên và ông cha ta mới có được hai pho Ngũ-Kinh. Tư-thơ của ngài mà làm kim-chi-nam cho đời sống trót mấy ngàn năm. Trải qua các triều-đại, vua chúa ta thay phiên nhau lập tâm chế-hạnh, làm gương cho trăm họ để giữ cho mỗi đạo ngày một thanh hơn. Nhưng

trong thế-sự nếu không tránh đặng lúc cùn thông thì trên đường đạo-ngĩa cũng không tránh đặng nỗi thăng-trầm. Trong thời-kỳ cận-đại, người mình lại hiểu sai học-thuyết của thánh-nhơn, « *chỉ biết tri-thủ một mặt đạo-đức mà không nghĩ đến sự tiến-thủ về đường tri-tuệ và khoa-học, thành thử lâu ngày cái tinh-thần hư-hống* » (2).

Chợt đến khi tiếp-xúc với cái văn minh khoa-học rực-rỡ tự trời tây đưa lại, những cái bản năng tâm-thường vốn sẵn có ở ta, bị kích-thích, ta ùng-ùng toan đem phá hoại cả cái văn-hoá cũ. Ta không suy-nghĩ cho chín-chắn, một mực nhảy vào cuộc sống mới như con thiêu-thân nhào vào ánh đèn. Ta quyết bắt chước cuộc đời mà ta gọi là *văn-minh*, nhưng chưa mấy ai hiểu *văn-minh* là thế nào.

Trong « *Lời phát-đoan* » của quyển « *Nho-giáo* », ông Trần-trọng-Kim có viết: « *Tinh bất chước vốn là cái tính tự-nhiên của mọi người. Dầu ở nước nào cũng thế cả. Nhưng giả ta có sẵn cái tinh-thần tốt rồi, chỉ bắt chước lấy những điều dở-ích thêm cho cái tính-thần ấy thì thật là hại lắm. Chỉ hễ vì mình để cái tinh-thần của mình hư-hống đi, mà lại mong bắt chước sự hành-động của người ta, thì sự bắt chước ấy lại làm cho mình dở-hơn nữa. Vì đã gọi là bắt chước là chỉ bắt chước được hình-thức bề ngoài mà thôi, còn cái tinh-thần ở trong, thì lâu ngày nhiệm-ý được mà hóa đi, thì khó lòng mà bắt chước được. Thành-thử bao nhiêu những sự bắt chước của mình chỉ là làm loạn cả tinh-thần, tư-tưởng và phong-tục của mình. Có làm người vọng-tưởng rằng mình có bắt chước được người ngoài, là mình làm điều có ích cho sự tiến-hóa của đời giống mình. Không ngờ rằng sự bắt chước v.ị-vàng quá, không suy nghĩ cho chín, lại thành cái độc gây ra các thứ bệnh cho xã-hội của mình vậy.* »

Thật thế, ta quên rằng cái tinh-thần cũ của ta tuy có hư-hống song vẫn có cái sở-trường sở-đoan của nó. Cái phần tinh hoa ấy, trong một khoảng thời-gian dài-đặc, đã tự-tập trong xã-hội ta xưa biết bao nhiêu người đàn-ông trung-tin, biết bao nhiêu người đàn-bà tiết-liệt. Nó đã tạo cho tiên-nhân ta một kiếp sống đầy ý-nghĩa; con trai thì lớn lên đã biết nuôi một cái chí của nam-nhi, hoặc mang giáo-đeo cúng vẫy-vùng trong bốn-biển, hoặc ngâm bút mài-nghiên lo bình thiên hạ; còn con gái thì thờ cái mộng ngày

(1) Rút trong « *Truyện đức Khổng-Tử* » của hai ông Đoàn-trung-Côn và Đặng-ngọc-Anh.  
(2) Do theo « *Lời phát-đoan* », ở quyển « *Nho-giáo* », của ông Trần-trọng-Kim.

sau được trở thành vợ đóm mẹ hiền mà làm hậu-thuần cho chồng con trên đường tiến-thủ. Ấy, cái tinh-thần chân-chánh của Khổng giáo ngày xưa là thế.

Ngày nay, ta không chịu hiểu cái tinh-thần ấy nữa, lại nóng-nổi cho là hủ-lậu. Ta không ngờ rằng cái văn-hoá phương tây mà ta đeo-đuôi bấy lâu chỉ là một cái vỏ bề ngoài. Cái phần tinh-túy của văn-hoá ấy, vị tất ta đã hiểu nổi!

Vì thế, ta sống mù-mờ. Ta biết rất ít về những luật của tạo-hóa và không biết gì hết về sức mạnh của Tạo-hoá. Ta không tự biết cái bản-tánh của mình, để làm cơ-bản cho sự học luân-ly. Ta không hiểu ta sống để làm gì và cứu-cánh cái cuộc đời rồi sẽ ra sao.

Sống với một đời ần-ào, luôn luôn ta mệt nhọc, ta sợ trăm-tư suy nghĩ và không dám biết đến con đường tu thân lập chí. Ta chỉ biết có ham vui. Quan-niệm cuộc đời thâu lại trong một khuôn-khố rất hẹp của hai tiếng « *vật chất* ». Ta chỉ còn biết lo ăn sung mặc sướng mà thôi. Đi đến đâu, ta cũng thấy ruợu, gái, truy-lạc rải-rác thuốc độc làm khô héo con người và tàn hại nguồn sanh-lực.

Theo đức Khổng-tử thì « *sự dâm-dục là đầu mối rất nhiều tội lỗi: vong-cang-thường luân-ly, lều-lĩnh đại nghĩa, mất sức thông-minh, khiến con người không hiểu nổi kinh-thánh truyền hiền, làm cho xáo-lộn gia-đình và tuổi thiếu-niên phải hư-hống* » (1). Nhưng vì ta đã hờ-hững để cho sự sống hoàn toàn vật-chất chi-phối đời ta thì sự dâm-dục là một điều không thể tránh đặng. Tinh-thần Nho-giáo không còn rõ-rệt trong tủy-não ta, tự-nhiên cái cơ-bản của luân-ly đạo nho là cương-thường cũng không còn nữa. Cái cơ-bản ấy không còn thì cái xã-hội có tổ-chức của ta ngày trước, cái xã-hội lấy hiếu nghĩa trung-tin làm nền-tảng, cũng đổ vậy.

Chúng ta đang sống giữa một thời-kỳ lung-lạc, điều linh. Ngoài xã-hội không còn thấy trật-tự, tôn-kinh; trong gia-đình cha anh mất hết oai-quyền vì không biết nên gương tốt và mẹ chi bị khinh-bĩ bởi cũng để cho lối cướp theo trào-lưu!

Cái tinh-thần văn-hoá cũ đã mai-một, ta ngoa-ngác không biết lấy gì làm chuẩn-đích trong những hành-động của ta. Những nhà cựu học chân-chánh cách đây mấy mươi năm,

có thể dựng lại nền nho-hạnh cho giống ròi thì vì ngoa-ngác cho chí không gặp thời nên xa vòng thế-lợi mà đi ở ẩn. Các cụ mang theo trong những chốn cô-tịch hoang-liêu cái tư-tưởng tinh hoa của thánh-nhơn, cái đạo-ngĩa cao khiết của kinh-sách, những thức-giá còn sót lại, hoặc vì ít quá, hoặc vì sẵn có cái tánh di-truyền « *tho-dộng* » của người mình (caractère passif), nên chỉ biết ngồi yên than-thở, nhìn mỗi đạo suy-vi. Hai câu thơ áo-não của cụ Tản-Đà:

« *Văn-minh Đông Á trời thâu sạch,  
Này lúc cương-thường đảo ngược ru?* »  
đã tiêu-biểu cho nhóm thức-giá ấy.

Nhưng ngày nay, thời thế cấp bách, thiết-tưởng ta không được quyền ngồi yên than-thở như cụ Tản-Đà. Ta phải đứng lên, mỗi người gom một ít tài hạnh để nung đỡ cái đạo-ly của ngàn xưa, cho khỏi phụ lòng kỳ-vọng của thánh-nhơn.

Đức Khổng-Tử sở dĩ bỏ phú quý công hầu, phải lao tâm khổ trí, phải sống một đời khắc-khở là để phổ-bày một tấm gương tốt đẹp, để lưu lại một đạo-ly cao-thâm, là vì chúng ta, vì người đời. Ta hãy nắm lấy những tia đạo-ngĩa của ngài còn phurong-phất lại mà mỗi người tự xếp đặt cuộc đời mình cho có trật-tự, có qui-định tôn chỉ hẳn-hoài trong khuôn-khố của cương-thường.

Một hiền-giá đời Nguyễn, Hứa-Hành có nói: « *Cương-thường trong thiên-hạ không hề một ngày mà bỏ mất được. Nếu người trên không dùng nữa thì kẻ ở dưới phải dùng* ». (1)

Than-ôi! trong-vòng ba bốn mươi năm nay, tình theo hiền-giá ấy thì đã hơn một vạn ngày, trong xã-hội ta, trên dưới đã mấy ai nắm được mỗi cương-thường!

Muộn lắm rồi. Nhưng « *muộn còn hơn không* » (mieux vaut tard que jamais), ta hãy lấy danh-nghĩa là kế-hậu-sanh của thánh-nhơn mà gìn giữ mỗi đạo cho ngài, tô-điểm nó thêm, đem dung-hòa nó với những cái hay của người, được bao nhiêu nhờ bấy nhiêu. Ta nên cố gắng thế nào cho trong chúng ta ai ai cũng như từ mình chánh, ai ai trí tuệ cũng được mở-mang, thì một

(Coi tiếp qua trang 13)

(1) Rút trong bài diễn-văn của ông Nhật-Nhan đăng ở báo Tri-Tân.





Đường vào mộ Khổng-Thánh



**M**UỐN đi đến Huyện Khúc-Phụ, nơi Khổng Phu-Tử sinh tức phải ghé một ga xe lửa nhỏ ở cheo leo giữa một cánh đồng hoang. Gần nhà ga, không có dân cư, chỉ có một quán trà nhỏ làm chỗ trú cho vài người Tàu, chuyên nghề chở hành khách với thứ xe cục-kịch. Tôi xin ngừng một chút để nói về thứ xe này. Xe cục-kịch chỉ có một bánh, và hai bên nhờ hai gọng kềm. Trong thùng xe có hai cái băng nhỏ và dài, ở giữa có một miếng ván ngắn đối để làm tấm dựa lưng. Bề dài xe chỉ độ ba thước, có thể chở đến sáu hành-khách, một bên ba người nếu có hành lý thì phải đề trên đầu gối.

Rời khỏi xe lửa, tôi mượn bốn chiếc xe cục-kịch để chở bộ-hạ và hành-lý. Bằng cách ấy, chúng tôi đi hơn ba chục cây số đường mới tới một làng lớn. Chúng tôi đến làng vào mười giờ tối và ở lại đó một đêm.

Rủi thay, làng ấy đương bị quân miền-Nam nổi loạn chiếm cứ toan tiến lên Bắc-kinh đánh cùng Viên-Thế-Khải. Vào tới làng tôi phải thương thuyết với bọn lính chiếm cứ nơi đó. Chúng muốn mở cả hành-lý cho chúng xét. Tôi kháng cự cương quyết, không chịu cho mở, nên chúng phải để cho tôi đi qua. Tôi vào làng đến trọ ở một khách-sạn, nhưng

ĐI VI

# KHỔNG

những kẻ ăn nhờ ở vả nhiều quá, nên tôi phải dựng lều vải ở giữa sân mà nghỉ.

Vào ba giờ khuya một người lính mon-men đến, cầm một cái kèn kê sát loa vào tai tôi mà thổi thật lớn. Tiếng kèn điếc ráy làm tôi nhảy dựng.

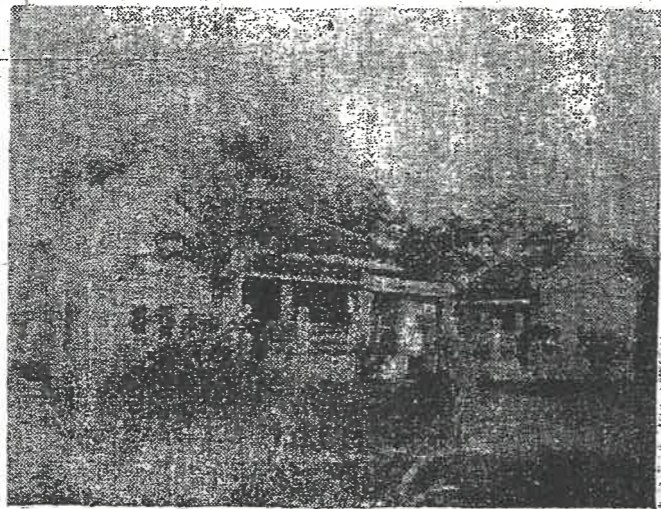
Liền đó tôi lấy roi da đánh túi-bụi anh lính thô lỗ và khiến mấy bộ hạ đuổi anh ra khỏi lều.

Vài phút sau, anh lính ấy trở lại với hơn mười hai người đồng đội. Chúng có ý sanh chuyện, vì anh thông-ngôn-có nói: «Bẩm ông, mấy người lính nói chuyện không tốt. Vậy nên đi là hơn.» Tiếng la lối làm quan đốc-tơ Brocquet thức dậy; ông vội chạy đến, và chúng tôi định dở trại đi liền.

Tôi biết trước ra khỏi làng sẽ gặp một rạch sâu cán đường, nhưng đối với hoàn cảnh tôi chỉ có một ý định; đi tới rạch rồi sẽ hay.

Ra khỏi khách-sạn tôi thấy gần ba chục người lính đang la lối và đưa tay ra dấu biểu chém đầu chúng tôi. Tôi cậy ông đốc-tơ Brocquet dẫn đoàn thám hiem đi trước để tôi ở lại sau hộ vệ.

Tôi đi sau hết và với khẩu súng trường



Miếu Văn-Khánh tại Long-Hồ (Vinhlong)

TIẾNG MỘ

# PHU-TỬ

trên tay, tôi giữ yên bọn lính hung-hăng ấy cho tới rạch. Một phát súng của tôi có thể đem lại tại hạ gôm-ghe. Đến bờ rạch, may phước, chúng tôi gặp ngay một chiếc thuyền không. Trong nháy mắt, cả đồ đạc và đoàn thám-hiêm đều xuống thuyền. Khẩu súng vẫn trên tay, tôi ra lệnh nhỏ sào, lần qua bên kia sông, bình yên vô sự.

Qua khỏi rạch, cũng may, chúng tôi gặp hai chiếc xe chịu chở hành-lý đến Huyện Khúc-Phụ. Chúng tôi đến đó vào lúc tối và không có việc chi trắc trở.

Hôm sau, theo tục lệ, chúng tôi đến trình danh thiếp cho quan-sở tại là cháu ba mươi hai đời của đức Khổng Phu-Tử. Luôn đó chúng tôi hỏi thăm giờ dâng vào yết kiến.

Quan-sở tại đã hay tin đoàn thám hiem chúng tôi tới từ bữa qua, nên trả lời không thể tiếp kiến. Tôi nài xin cho biết lý-do về sự từ nản này, thì ông ấy trả lời rằng ông có việc sắp đi gấp, nên tạm đình cuộc hội đàm.

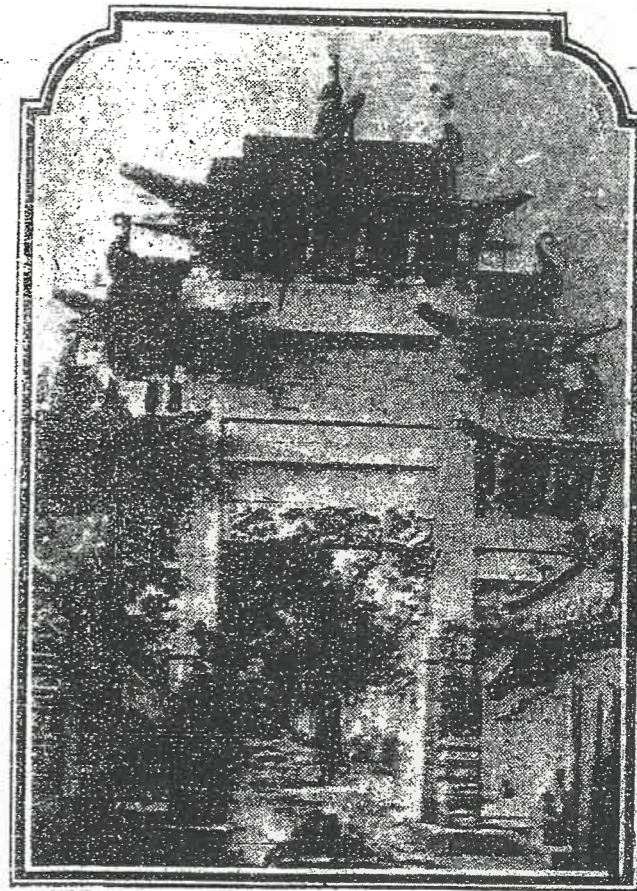
Chúng tôi ở tại Huyện Khúc-Phụ độ một tuần, tôi có đủ thì giờ đi xem xét kỹ càng nhà thờ và mộ phần đức Khổng-Tử.

Ngôi mộ xây cách Huyện chỉ có ba cây số ngắn. Ra khỏi Huyện liền có một khối-hoàn-môn bằng sa-thạch dựng làm ngó ở đầu một con đường chẹt nhỏ dẫn đến mộ phần. Con đường này, đá lót đã tiêu mất song hai bên có hai hàng cây bá to lớn, rậm mát, và từng khoản xa, có dựng tượng hình, đó là biểu-hiệu những người giữ đường vào mộ:

Đi hết con đường nhỏ êm đềm mát mẻ này rồi thì đến một cái cửa thật lớn xây chụm một tấm vách tường bao giáp vòng mộ-địa. Tường bao bọc trong khoảng dài 3.000 thước.

Qua khỏi cửa thứ nhất, lại phải đi trên một đường nhỏ có tường cao chạy dài hai bên. Con đường mới này dẫn đến cửa thứ nhì. Qua cửa thứ nhì rồi thì liền thấy một hoa-viên rất tốt đẹp, dầu từ lâu không ai sậu-sốc.

Vài đường môn nhỏ chạy giữa những đám cỏ cao và cứng. Đi theo đường chánh thì bên cạnh có một cái rạch nhỏ chảy quanh co. Trên hai mé rạch có mọc vô số những bụi hương và thủy cúc. Còn trong rạch thì tạo lá sen to lớn che khuất mặt nước. Trên đầu ta, vài



Cửa vào mộ-địa Khổng-Thánh

lúa sáng mặt trời khẽ lọt qua kẹt lá cửa mấy cây lá rơm-rà. Không khí mát-mẻ làm tươi tỉnh tâm-hồn, khiến ta phải dừng chơn trên cái cầu móng bắc ngang giòng nước. Cầu ấy rất nhỏ, làm bằng cẩm-thạch trắng. Thành cầu có đục lỗ rất ngộ.

Từ chỗ này, tầm mắt lại trải dài trên một đường nhỏ xa-xăm, hai bên có cây bá to lớn; bóng cây mát rậm làm ta tưởng như đã lạc vào trong chùa miếu to lớn nào. Im lặng thật im lặng, cái im lặng đầy ý nghĩa thiêng-liêng giữa không khí tươi mát, như có một hạnh



# HÁP - QUỐC ĐẠI HIỆN-TRIẾT



Henri BERGSON (1859-1941)

phúc trùm cảnh vật dưới bầu trời 40 nhiệt độ. Cuối đường này thì có một ngôi miếu nhỏ: Ấy là miếu đức Khổng Phu-Tử. Miếu cất trước ngôi mộ. Muốn đi ra mộ phải vòng qua phía sau bàn thờ. Kế đó ta lại lạc vào một rừng toàn cây bả và cây thông. Dưới rừng cây, sẽ sẽ một nùm đất, trước nùm đất có dựng tấm mộ bi so-sài gắn trên một cái bàn cây xám. Trên mộ bi chỉ có mấy chữ nghĩa như vậy: « Nơi đây an nghỉ Khổng Phu-Tử, một người hiền trong hạng hiền-nhân. »

Ngôi mộ so-sài ấy trái hẳn với quang cảnh cai-nghi, mà xứng đáng với một nhà hiền triết. Ngài muốn mộ của ngài nằm trong một khoảnh đất hẹp với một mộ bi mà thôi.

Mấy vương đế phải chịu theo ý ngài, nhưng quan lại lại xây một công-trình bất hủ, xứng đáng với một Tiên-sư đạo đức.

Bên Trung-quốc, mấy người chết thường được chôn tại đất nhà, trong mộ địa, họ tự coi làm mã tử khi còn sống, chỉ mấy kẻ nghèo là mới chôn ở đất hoang vô chủ.



Blaise PASCAL (1623-1662)



René DESCARTES (1596-1650)

Ở huyện Khúc-Phụ, Khổng Phu-Tử muốn hết thấy những kẻ nghèo đều được chôn quanh mộ ngài, nên ta thấy quanh đó rất nhiều mộ đất, những nơi an nghỉ cuối cùng của kẻ nghèo được ngài săn-sóc. Sự sống và sự chết của nhà đại-hiền-triết ấy luôn luôn là tấm gương đại đức đại nhân.

Đến ngày nay, Khổng Phu-Tử chẳng những là tấm gương sáng của Trung-hoa, mà là tấm gương sáng của cả thế-gian. BÙI-NAM-TỬ  
trích báo «Khoa-Học và Du-Lịch»

# LÀM SAO CHO KHỎI thẹn với thánh-nhơn

(Tiếp theo trang 9)

ngày kia sẽ được chóng đi đến con đường thiện và tinh-thần văn-hóa của nước nhà rồi cũng được quang-xương.

Trong báo Nam-Phong, số 150, cụ Đò-Nam Nguyễn Trọng-Thuyết có viết: « Những sự nghiệp thay cũ đổi mới khiến cho nước nhà được vững bền, xã-hội được tiến-hóa, nói giống được thịnh-cường, không phải một nhờ ở cái trí-thức đặc-biệt của một đôi người, mà phải trông cậy cả vào cái trí-thức phổ-thông của số nhiều hợp lại giúp nên mới thành được. »

Lời nói của bực chí-sĩ ấy rất là chí tình. Thiết-rởng, ngày nay trong cuộc cải-tạo cái tinh-thần suy-bại của giống nòi, mỗi một thanh-niên chúng ta — dẫu trai dẫu gái — phải tự đặt lấy một nghĩa-vụ mà gánh-vác, chớ không được ngồi yên mà chờ những siêu-nhân. Nước Lỗ một ngày vắng đức Khổng-Tử mà hóa ra hư-đốn, thì người đời một ngày vắng đạo-hạnh cũng phải suy-đổi.

Rất may cho dân-lộc ta, nhờ sản phẩm của Khổng-giáo nên dẫu trôi nửa thế-kỷ nay đi làm đường mà nét Nho-phong hã còn dư-âm, nên đạo-nghĩa tuy có suy-vi chớ chưa mất hẳn. Chúng ta, dẫu không còn mấy quan-niệm cái chủ-nghĩa quân-tử của bực Chí-Thánh, song vẫn còn biết khinh-bĩ những kẻ tiêu-nhân và biết phấn-nộ trước những hành-vi phản đạo lý.

Bây giờ, cuộc văn hồi cổ-phong đương khởi đầu, tưởng chúng ta phải quên con diên-rò cũ mà trở lại cái tinh-thần chân-chánh của văn-hóa ta xưa. Được như thế, ta khỏi hổ với thánh-nhân, tức là khỏi thẹn với Trời Đất, vì đức Khổng-Tử lãnh cái sứ-mạng thiêng-liêng đem đạo-đức đến cho loài người.

TRƯƠNG-SƠN-CHÍ  
(Tây-đồ)

Độc «NAM-KY» chưa đủ  
mà còn phải đọc  
«ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ» nữa

# KHỔNG - THÁNH ● tế tự nghi-thức ●



RONG nước ta, theo chánh-thê của triều-đình, thì các hàng tịch đều phải lập Văn-thánh-miếu để thờ phụng cùng tế đức Khổng Phu-tử. Nghi-thức về sự tế-tự ấy thì triều-đình có định như vậy:

Miếu lập 3 căn, thì chánh căn giữa phải dọn một án ngang, trên đặt bài vị Chi-thánh Tiên-sư Khổng-Tử. Cùng căn giữa, mà kèm hai bên, thì trí bài vị Tư-Phối:

Bên tả { Phục Thánh Nhan-Tử.  
Thuật Thánh Tư-Tu-Tử.  
Bên hữu { Tôn Thánh Tăng-Tử.  
Á Thánh Mạnh-Tử.

Còn trong hai căn hai bên thì mỗi bên cũng dọn một án ngang để trí bài vị mà thờ tiên hiền, tiên nho; các người trong hội có khoa trường mà đã quá cố và các hậu hiền.

Trước án ở căn giữa thì dọn bàn công-đồng dâng lễ tế-phẩm. Trước án hành lễ thì phải dọn đủ ba tịch:

Thượng-tịch để làm lễ phàn hương, tấu lược và đọc chúc.  
Trung tịch thì để làm lễ âm phước.  
Hạ tịch là chỗ người hành lễ bài hương phụng vị.

\*\*\*

Mỗi năm cúng tế hai kỳ:  
1°) Kỳ tháng 2 (âm lịch) kêu là Xuân-đình;  
2°) Kỳ tháng 8 (âm lịch) kêu là Thu-đình.  
Ngày cúng tế phải chọn ngày « Đỉnh ». Trong một tháng có 3 ngày « Đỉnh », thì ngày « Đỉnh » trước nhất, kêu là Thượng-đình, là ngày quốc-tế, ngày « Đỉnh » thứ nhì, kêu là Trung-đình, là ngày các hàng tinh tế, còn ngày « Đỉnh » thứ ba, kêu là Hạ-đình, là ngày các hội tế.

Chư viên hành lễ đều phải tinh khiết. Người có tang không được dự cúng.

Tế-phẩm là bò hay heo, tùy công-nho dư-dã hay là khiếm-khuyết, nên không định chắc. Nhưng mà tế lễ phải dựng đủ 3 túng rượu.

Về văn-tế thì triều-đình cho văn-thức như vậy:



# ĐỨC KHÔNG-TỬ

(Tiếp theo trang 4)

Cách dạy học của đức Không-tử lắm khi có vẻ rất thân mật, vui vẻ. Như một ngày kia, ngài phân đàn rằng đạo ngài người đời không hiểu, bèn hỏi đũa thầy Tử-Lộ rằng: « Nay đạo ta không thi hành được, ta muốn tuyệt với người đời, thả cái bè cho trôi ra ngoài biển, đi theo ta chắc ó Do chăng? (Do là tên thầy Tử-Lộ) ». Thầy Tử-Lộ nghe hỏi thế tưởng rằng thật, mừng lên. Ngài bèn nói: « Do can-dâm hơn ta thật, nhưng còn chưa biết suy xét. » Ý ngài muốn nói thầy Tử-Lộ có đồng hơn có trí, nếu biết suy xét thì không bao giờ lại tin rằng ngài có cái chí tuyệt với người đời thật. Ấy, cái cách dạy học trò, sửa tính nết cho học trò, có vẻ hữu-ái như thế.

Một hôm thầy Tử-Hạ hỏi đức Không-tử: « Nhan-Hời là người thế nào? — Đức Không-tử nói: Cái tin của Hời hơn ta. — Tử-Cống là người thế nào? — Cái mau của Tử hơn ta. — Tử-Lộ là người thế nào? — Cái đồng của Do hơn ta. — Tử-Trương là người thế nào? — Cái nết trang-nghiêm của Sư hơn ta ». Thầy Tử-Hạ đứng dậy mà hỏi rằng: « Thế

« Dạy Đại-Nam (Hoàng hiệu), tinh, phủ, « đồng, xã, hội (mở, mở) đồng hội thượng hạ « đảng.

« Cần dĩ học vật thứ phẩm chi nghi, cảm « chiếu các vụ.

« Chí-Thánh Tiên-sư Không-Tử vị. « Vị tiên

« Việt: Vị hữu Xuân-dinh (hoặc Thu-dinh) « kính lễ, cảm cáo lễ đã, Cung duy

« Chí-Thánh thiên tác chi sư, đạo tại vạn « thế; sùng phụng y qui, tư tịch Xuân-dinh « (hoặc Thu-dinh), kính tiến phỉ nghi; tinh « sáng hữu lâm, thứ cơ hưởng chi; tư văn « mang mạch, thượng lại pt ờ tri, Cần áo.

« Kính-thỉnh

« Tử-Thánh

« Ky

« Tiên triết liệt vị

« Tiên hiền liệt vị

« Tiên nho liệt vị

« Cấp bốn hội dự hữu khoa trường quá cổ « chữ tiên linh.

« Đồng lại giám cách.

THƯ-TIÊN cần lục.

sao bốn gả ấy lại phải đến học với thầy? » Đức Không-tử nói rằng: « Ở đây ta bảo: Ồ! Hời biết tin mà không biết nghĩ lại. Tử biết mau mà không biết có lúc đang chậm. Do có đồng mà không biết có lúc nên nhát, Sư có nết trang nghiêm, mà không biết ứng-dụng để hòa-dồng với mọi người. Gồm tất cả những cái nết hay của bốn gả ấy có, mà đổi lấy cái của ta không bằng bốn gả, ta không thuận. Vì thế bốn gả phải tôn ta làm thầy, mà không có hai lòng vậy ».

Đức Không-tử bao giờ cũng có cái thái-độ rất hoà-nhã mà vẫn lớn-nghiêm, rất khoan-hoảng mà vẫn cương-nghị. Cho nên học trò ngài rất đông, mà ai cũng cảm phục tôn kính ngài. Thầy Tử-Cống nói: « Thầy ta không ai sánh kịp, cũng như trời kia không thể bắt thang mã lên được ».

**ĐỨC KHÔNG MẮT.** — Một hôm đức Không-tử dậy sớm đi tiêu-dạo trước cửa, tay kéo lết cây gậy mà hát mấy câu trong Kinh Thi như vậy: « Thái-son kỳ dĩ hồ? Lương-mộc kỳ hoại hồ? Triết nhân kỳ nguy hồ? (Núi Thái-son có lẽ đổ chăng? Cây lương-mộc có lẽ nát chăng? Người triết-nhân có lẽ nguy chăng?) »

Thầy Tử-Cống đi gần tới, nghe ngài hát, bụng nghĩ rằng: « Núi Thái-son đổ, thì ta biết ngựa trông vào đầu; cây lương-mộc nát, thì ta biết ngựa dựa vào đầu; người triết-nhân mất thì ta biết noi vào đầu. Chắc thầy ta đau ». Bèn vội-vàng vào hỏi thăm. Đức Không-tử nói chuyện đêm năm chiêm-bao, biết có lẽ sắp chết. Đoạn rồi ngài lâm bệnh bảy ngày thì mất, nhằm ngày 11 tháng 4 năm 41 đời vua Kinh-vương nhà Châu, thọ được 73 tuổi. (478 tr. T.C.).

Học trò rất thương tiếc. Có đến hơn một trăm người làm nhà ở gần mộ ngài đến hết tang. Thầy Tử-Cống ở đó trọn 6 năm mới thôi. Mộ ngài nay ở Không-lâm, cách huyện Khúc-phụ (tỉnh Sơn-dông) hai dặm, xung quanh cây cối rất sâm-nả. (1) LÊ-CHÍ-THIỆP

(1) Xem « Nho-giáo » của Trần-trung-Kim, và « Quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng » của Phạm-Quỳnh.



của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

**N**ĂM trước lập gia-dinh, em chủ tâm quyết dùng ái-tình mà tạo một cảnh hạnh-phúc, vợ yêu « chồng, chồng yêu vợ, con thương cha mẹ, « cha mẹ thương con, trên thuận dưới hòa. « trong đầm-ấm, ngoài vui-vẻ. Nào dè ở thế-« gian chẳng bao giờ có cảnh thiện-dàng hay « là cảnh bồng-lai như vậy bao giờ, chỉ có « cảnh địa-ngục mà thôi.

« Chị hai ơi, mấy năm nay có nhiều khi « xuống thăm chị, em muốn tỏ việc nhà của « em cho chị hiểu, nhưng vì em sợ chị nghe « rồi chị buồn, nên em không dám hở môi. « Cưới vợ tưởng là xây nên hạnh-phúc để « hưởng trọn đời, nào dè mới được 11 tháng « thì em đã thấy em đi lạc đường, tính xây « nên hạnh-phúc, té ra phải sa vào địa-ngục. « Những tưởng đồng tâm đồng chí, té ra « một trắng với một đen. Cái đời của em đã « hư hỏng rồi, hết trông mong vui-vẻ nữa « được.

« May Trời Phật thương em, nên cho em « có thằng Cang dựng em lấy sự nuôi dưỡng « nó mà làm mục-đích cho sự sống của em. « Nhờ có như vậy nên em mới bớt chán-ngán. « Thôi, vì buồn quá nên em thổ-lộ chút « đình tâm-sự cho chị biết mà thôi, chớ xét cho « kỹ thì em làm chủ gia-dinh của em cũng chưa « đến nỗi khốn nạn hơn mấy ông chủ gia-« đình khác.

« Em kính chúc cho chị vạn sự bình an « và em xin chị đừng nhọc lòng về phận vợ « phuớc của em. »

Tám màn bí-mật đã vén lên được một góc rồi.... Cha tự-tử là tại thất-vọng về tình vợ chồng.... Mà đã vì ái-tình nên cưới vợ, quyết dùng ái-tình để xây nên hạnh-phúc trăm năm, rồi sao lại thất-vọng? Thất-vọng về phương-diện nào? Có phải tâm-tánh hoặc

tri-ý bất đồng hay chăng? Hay là còn đưvén-cơ nào khác? Trong thơ có câu: « Những trông đồng tâm đồng chí, té ra một trắng với một đen ». Theo câu ấy thì thất-vọng là vì tâm-chí bất đồng. Mà lúc cưới thì đã mừng được vợ đồng tâm đồng chí, rồi sao cách ba năm sau lại có liếng than như vậy? Sự mãn-thuần ấy rất khó hiểu. Có lẽ bức thư thứ ba sẽ rọi ánh sáng vào chỗ mờ-ám này cho mình thấu hiểu tâm-hồn của người chết.

Cang không dự-dự nữa, liền cầm bức thư chót, viết năm 1928, lên mà đọc tiếp:

« Chị hai ơi, « Lúc chị tiếp được bức thư này thì em đã « chết rồi.

« Gần đến giờ chết mà em còn gương-gạo « ngồi viết thư cho chị đây, là vì em tự xét « em có lỗi với chị nhiều lắm, trước kia em « đã không vưng lời chị là người biết lo cho « đường tương-lai của em, mà sau này em lại « còn báo hại để thương để nhớ cho chị nữa. « nên trước khi hun con một lần chót, rồi « phải sạch nợ trần, em phải tỏ đôi lời mà « yêu cầu chị tha lỗi cho em.

« Chị hai ơi, em biết chị thương em lung « lắm, nên em chắc hễ chị hay tin em chết thì « chị đau-dớn rồi tức giận thừa kiện làm « rầy-rả chung quanh cái tử-thi của em. Vậy « em vội vã nói phứt cho chị biết rằng em « chết là tại ý em hết muốn thấy thói đời « giả-dối phản-bội nữa, tại em tôn trọng ái « tình, em không đành để cho phạm-phu « đâm-phụ làm sỉ-nhục cái tình cao thượng « trong sạch ấy, chớ không phải tại ai làm « cho em chết. Vậy em khuyên chị hãy tin « cái mạng số của em tới chừng này là cũn, « rồi đừng buồn rầu thái quá, mà cũng đừng « thêm phiền trách ai hết.

« Thuở nay em sợ chị buồn, mà cũng sợ « chị trách, nên mỗi lần xuống thăm chị, em « cứ làm vui luôn luôn, chẳng dám thổ-lộ



« những nỗi khổ-nạn trong gia-đình của em  
 « cho chị hiểu. Nay em sắp chết, nên em  
 « phải tỏ thiệt, không lẽ còn giấu-diếm nữa.  
 « Em có vợ đã được 12 năm rồi. Ngày em  
 « mới cưới vợ thì em được hưởng sự vui-vẻ  
 « tưởng chẳng có ai bằng. Em chắc mùi hạnh-  
 « phúc của em sẽ kéo dài cho đến muôn đời  
 « em, không dè chưa được một năm mà cái  
 « mũi ấy đã bắt đầu phải lạt, rồi từ ngày sanh  
 « thằng Cang trở về sau nó lần lần b. y mắt  
 « hết.

« Em thương vợ em lắm. Chẳng hiểu cái  
 « mang của em thế nào mà vợ em nó không  
 « biết thương em. Vợ chồng ở với nhau đã  
 « có con rồi, mà nó đành vong lịnh phụ nghĩa  
 « trở lòng thương người khác được! Từ hồi  
 « năm ngoái cho tới bây giờ nó lấy thầy Cãi  
 « là một thầy nhà ở trên này mà làm việc  
 « dưới Saigon. Xóm làng ai cũng biết sự ấy  
 « hết thấy. Em còn biết nhiều hơn họ nữa,  
 « mà biết rồi làm sao? Phải rình-mò mà bắt  
 « cho có đủ tang cơ hay không? Bắt có tang  
 « càng thêm hại, chớ có lợi ích gì! Giết chết  
 « đũa gian-dâm mà rữa hân thì mình sẽ bị  
 « tù-rạc. Đến Tòa xin ly dị thì đau-đớn nỗi  
 « lòng, mà lại tội nghiệp phận con. Mà dầu  
 « xử trí thế nào em cũng không đem cái tình  
 « của vợ em trở về cho em được.

« Chị hai ơi, gần hai năm nay trong lòng  
 « em đau-đớn không biết bao nhiêu mà kể  
 « cho xiết, đau-đớn mà không thể nói ra được  
 « mới thiệt là khó chịu. Người khác nếu họ ở  
 « trong cái địa-vị của em thì họ kêu vợ mà  
 « nói: « Tao biết mấy lấy trai, mà tao cũng  
 « biết mấy lấy thằng nào nữa. Mấy phải bỏ.  
 « Nếu cãi lời tao, thì tao lấy đầu bậy.» Họ  
 « nói như vậy có lẽ vợ họ sợ mà trở vào  
 « đờng-phải. Em rất tiếc em không có cái  
 « thái-tộ như họ, nên em không thể nói như  
 « họ vậy được. Có đêm em buồn quá, em  
 « muốn lấy dao mà giết vợ đi con cho chết  
 « hết rồi em đi tự-vận mà chết luôn theo vợ  
 « con dặng hết buồn rầu nữa. Mà rồi em  
 « nhìn mặt vợ thì em thương yêu quá, em  
 « ngộ mặt con thì em tội nghiệp quá, nên em  
 « bắt nhân, không nở xuống tay.

« Au năm với vợ, thương yêu vợ, mà mình  
 « biết chắc vợ nó tư-tướng người khác  
 « chớ không có tình với mình; ở trong cái  
 « cảnh như vậy đó thì làm sao mà sống được!  
 « Thi, tha em tự-vận mà chết phứt đi cho  
 « rồi, chết một mình em chớ tron nghĩa với  
 « con, chớ tron tình với vợ.

« Em viết bức thư này mà từ biệt chị. Em  
 « xin chị đừng buồn rầu. Em cậy chị thương  
 « giùm thằng Cang, là máu thịt của em,  
 « là cái kết quả của tình vợ chồng em lúc  
 « còn nồng-nả trong-sạch.

« Em còn xin chị một điều này nữa:  
 « chớ đừng thằng Cang khôn lớn, chị phải giấu-  
 « diếm, đừng cho nó biết tâm-sự của em,  
 « bởi vì nếu nó biết thì khổ tâm cho nó chớ  
 « không lợi ích gì.»

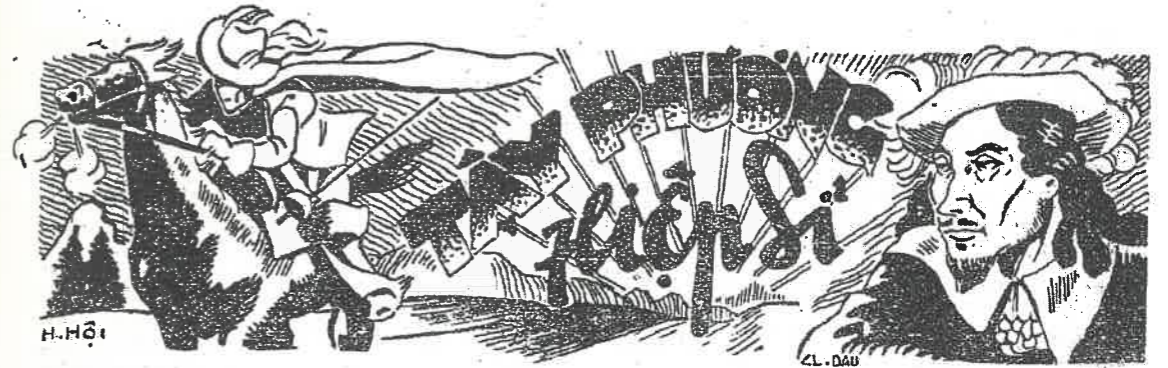
Cang đọc hết bức thư rồi, tuy ban đêm  
 mắt mờ, mà mồ hôi tuôn ướt áo. Thiệt ngày  
 cha viết bức thư này trước ngày cha chết có  
 một bữa. Rồi ràng gói thư đi rồi thì nóng thuộc  
 đọc mà chết.

Cang sắp ba bức thư trên bàn, rồi với lấy  
 khuôn bình chụp của cha đem xuống để  
 trước mặt, mà nhìn, nước mắt tuôn đầm-dề.  
 Những tư-tướng bút-từ, dữ-tợn, nó dỗi-dào  
 trong trí não chàng, rồi làm cho đầu cổ mình  
 mảy chàng nóng hầm, không thể ngồi yên  
 được, nên chàng buông cái khuôn bình mà  
 đứng dậy đi qua đi lại.

Bây giờ mới thấy rõ ràng: tại như vậy đó  
 nên cha mới tự-tử, tại như vậy đó nên cô với  
 mẹ không thuận hòa, tại như vậy đó nên cô  
 với mẹ không ai chịu nói duyên-cớ cha tự-  
 vận cho mình biết!

Má! Má! Má ơi! Cha là người như vậy,  
 thương yêu mà đến nỗi bực mình chớ không  
 nở trừng trị cái thói vong tình bội nghĩa của  
 má; mà gần bực mình cha vẫn còn trọng má,  
 không muốn cho con hiểu tâm-sự rồi khinh rẻ  
 má, cha là người như vậy, sao má không biết  
 thương, không biết kính, lại phụ rầy mà yêu  
 người khác! Còn cô hai, cô biết rõ mọi việc  
 hết, mà hơn 10 năm nay cô vẫn vưng theo ý  
 cha, cô chẳng hề chịu nói thiệt cho con biết;  
 cô làm bịnh tình-linh, cô không kịp xé hoặc  
 đốt cái tang cơ khổn nạn về tội của má, mà  
 khi cô đã mất trí cô vẫn còn nhớ tới mấy bức  
 thư cáo má, cô còn muốn biếu con thiêu hủy,  
 nhờ con không hiểu mà thi hành lịnh của cô,  
 nên con mới biết được chuyện cũ. Thái-độ  
 của cô hai như vậy, tức thì cô là người cao-  
 thượng, sao má không kính trọng cô, lại thườ  
 nay cứ theo nó gay nói gắt với cô!

(Còn nữa)



NH em thủy-thủ  
 đồng-nói:—  
 —Thật vậy đó  
 ngài.

KIỆM-HIỆP TIỂU-THUYẾT  
 do Thân-Văn  
 ♦ Nguyễn-văn-Quý ♦  
 dịch truyện:  
 Le Vicomte de Bragelonne  
 của Alexandre DUMAS.

(Tiếp theo)

— Mấy anh em, đây là lời  
 dặn sau cùng của tôi, xin  
 anh em hãy ghi vào dạ. Anh  
 em phải biết rằng nhờ chúng  
 ta lập mưu bắt được nhà tài  
 chánh xuất-chúng hơn hết ở  
 Anh mà ngày nay tờ giao-ước  
 về thương-mại đã ký xong. Ta nói thật cho  
 mấy anh em biết rằng nhà tài-chánh kia chính  
 là Thủ-quý của Đại-tướng Monck.

Hai tiếng « Thủ-quý » làm cho bọn thủy-thủ  
 để ý mà coi thế họ cũng tin làm chắc, nhưng  
 D'Artagnan dòm thấy trong cặp mắt của Menne-  
 ville lộ vẻ nghi ngờ. Ngài tiếp nói:

— Vị Thủ-quý kia, ta đem qua một xứ trung-  
 lập là xứ Hòa-lan. Ta bắt người ký tên tờ giao-  
 ước rồi từ ta đã dắt người trở về Newcastle.  
 Người về tới nơi rồi, nhờ lại cách đối-đãi của  
 chúng ta quá chu-chuộng, nhớ lại cái hòm cây  
 có lót nệm nằm thật êm-ái, không nghiêng-lắc, thì  
 người rất bằng lòng. Bởi vậy ta mới xin với  
 người cho anh em một số tiền thưởng. Người  
 vui lòng cho, nên ta đem về đây.

Ngài nói rồi liệng một túi vàng lên nắp bàn.  
 Bọn thủy-thủ liền đưa tay muốn lấy chia cùng  
 nhau. D'Artagnan cản lại nói:

— Khoan đã, nếu một phía anh em được số  
 lời, thì một phía khác anh em còn có phần lo.  
 Phần lo là vậy: chúng ta sẽ ở vào một hoàn-cảnh  
 rất khó chịu. Ta nói rạch ròi ra cho anh em  
 biết: chúng ta một là bị đưa lên trụ thật-cổ, hai  
 là bị bỏ vào ngục Bastille. Chuyện ấy dễ hiểu  
 lắm. Ta phải cắt nghĩa cho Đại-tướng Monck  
 hiểu tại làm sao Thủ-quý của ngài lại mất tích.  
 Muốn cắt nghĩa ta lại phải chờ cái lúc khó ước-  
 mong được là lúc vua Charles đệ nhị phục nghiệp  
 mà vua Charles là người ta quen biết nhiều...

Bọn thủy-thủ nhìn nhau, lộ vẻ đẹp ý mà D'Ar-  
 tagnan lại lộ vẻ tự-đã:

— Nhà vua phục nghiệp rồi, ta mới đem trả  
 Thủ-quý lại cho Đại-tướng Monck. Vị Thủ-quý  
 ấy tuy x. r. như chim bị x. r. lông, song ta  
 đã hoàn lại cho Đại-tướng thì cũng đã vị tình  
 lắm rồi. Đại-tướng không cố chấp ta, nhưng  
 ngài không khỏi nói cùng ta mấy lời này mà ta

dặn bảo mấy anh em nên  
 ghi sâu vào trí óc. Ngài nói  
 như vậy: « Nay tức hạ, cái  
 sự chế-diệu kia thật ngộ,  
 nhưng tức-hạ nên biết rằng  
 tôi từ-nhiên không ra chề-  
 giễu. Bởi vậy từ trong miệng  
 tức-hạ hay là từ trong miệng  
 bạn đồng-hành của tức-hạ  
 mà lọt ra một tiếng về chuyện  
 của tức-hạ đã làm (anh nghe  
 anh hiểu không, Menne-

ville?), thì hèn Ch. nh-phủ Ecosse và Irlan-  
 de của tôi, đã sẵn có bảy trăm bốn mươi  
 một trụ treo cổ bằng cây thông, có móc sắt, thoa  
 mỡ mỗi tuần, chờ các người vậy. Tôi sẽ chờ  
 mỗi người một trụ và ông hãy nhớ cho kỹ nghe  
 không, ông D'Artagnau yêu dấu của tôi, (anh  
 cũng phải nhớ cho kỹ, nghe anh Menneville)  
 rằng tôi còn có 730 cột nữa để giúp cho những  
 cuộc tiêu-khiến lật-lật của tôi. Mà chưa phải  
 hết, còn nữa...»

Bọn thủy-thủ đồng nói:

— A. còn nữa à?

— U. còn nữa. Đại-tướng nói: « Còn một cái  
 khổ nữa đó tức-hạ, là tôi sẽ gửi tờ giao-ước cho  
 vua Pháp, xin nhốt đ. những người có dự vào  
 cuộc sang Anh về ngục Bastille, rồi gói hết qu.  
 cho tôi. Hề tôi xin thì chắc thế nào vua Pháp  
 cũng nhậm ngôn.»

Bọn thủy-thủ nghe nói lo sợ đồng huơng một  
 tiếng hỏi-hùng. D'Artagnan lại nói tiếp:

— Tuy vậy mà Đại-tướng Monck quên một  
 chuyện là ngài không biết tên mấy anh em. Chỉ  
 có một mình ta biết, nhưng mấy anh em hãy  
 tin ta, ta không phản đầu. Phần má làm chi?  
 Còn về phần mấy anh em, ta tưởng không lẽ  
 mấy anh em đại-d. cho đến nỗi tự mình khai  
 cho mình, bởi vì nếu có như vậy thì nhà vua  
 không ngại gì mà không gói mấy anh em qua  
 hầu 741 trụ treo cổ ở Ecosse, để tránh cho khỏi  
 tổn tiền nuôi ăn nuôi ở trong ngục. Bấy nhiêu  
 điều ta nói có lẽ anh em dự hiểu, ta không cần  
 phải nói thêm vô ích, phải vậy không, anh  
 Menneville?

— Thừa ngài, phải.

— Bây giờ chúng ta hãy chia tiền đã. Hãy đồng  
 cửa lại.

D'Artagnan vừa nói, vừa mở bao đồ tiền vàng



trên bàn. Bọn thủy-thủ bu lại. Nhờ hiệp-sĩ chia cho mỗi người năm chục đồng vàng, phủ-úy mảy lời, rồi ra dấu với Menneville nói :

— Menneville, anh hãy theo ta... Ta xin từ-giã mấy anh em. Hãy nhớ mà kín miệng.

D'Artagnan dắt Menneville ra vừa tới đường liền nói :

— Menneville, tôi biết anh không mặc-mớp tôi, vì tôi thấy anh không lộ vẻ sợ mấy cột treo cổ của Monck và ngục Bastille của vua Pháp, nhưng tôi xin anh phải kiên-sợ tôi. Anh hãy nghe tôi lời này : nếu anh bỏ mồi lậu tiếng thì tôi sẽ giết anh như cắt cổ gà vậy.

— Thưa ngài, tôi nói thật với ngài rằng tôi không biết chi hết. Những lời của ngài nói đó đều là những lời đáng tin-cậy, tôi chẳng dám coi thường.

— Ta đã biết anh được hai mươi lăm năm nay rồi, cho nên khi ta kiếm anh, ta đã chắc anh là một người có trí, khác hơn chín-người kia. Đây, anh hãy lấy năm chục đồng vàng này của ta cho anh thêm để chứng cái sự biệt-dã của ta đối với anh.

— Thưa ngài, tôi rất cảm ơn.

— Với số tiền ấy anh có thể trở nên một người từ-th. Rất lấy làm hổ cho một người có trí như anh, một người có tên tuổi mà buộc lòng mai-

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-VIỆT

- 1) Cư Kính (tiểu thuyết) của Hồ Biểu-Chánh... 0,70
- 2) Pétain Cách Ngôn, Á Đông Triết Lý Hiệp Giải của Đặng-thức-Liêng và Hồ-văn-Trung... 1,50 / 3,00
- 3) Tiểu Phú-Viên, Hán-Văn, Thi-Văn toàn tập của Đặng-thức-Liêng... 0,50
- 4) Nền Luân Lý Việt-Nam của Lê-chí-Thiếp... 0,50
- 5) Những lời thường lầm trong sự học Quốc văn của Đông-Hồ và Trúc-Hà... 0,50
- Mới xuất bản : Huấn Từ Ca của Nguyễn-viên-Kiều... 0,25
- (Có bài tựa của Hồ Biểu-Chánh)
- Đang in : 1) Luận Lý Đạo Nho của Trúc-Hà... 1,50
- 2) Con nhà Hoang của Thân-Văn Nguyễn-văn-Quy

danh ân-tích như anh, lại phải chịu vùi-lấp dưới lớp sét của một cái đời quấy, đời bầy, đời chạ. Một trăm đồng vàng bằng gấp đôi lương năm của một vị sĩ-quan thì anh có thể nhờ đó mà sống trong một năm. Hãy thừa cái thời-giờ ấy mà rèn cái lòng lương thiện, rồi màn năm anh sẽ đến kiếm ta, ta sẽ có chỗ dùng anh.

Menneville từ-giã D'Artagnan và thề rằng sẽ làm theo các hạn bưng kín miệng bình cũng như người nằm chết dưới mồ. Song phải có một người nói chuyện ấy ra, người ta mới rõ, mà chắc-chắn là Menneville và chín bạn đồng-hành đều không dám sơ-lậu, thì rõ-ràng D'Artagnan nói, hỏi người ở tỉnh Gascogne có tành hay nói. Nếu khó gì phải nói thì ai bây giờ? Nếu không phải ngài nói thì làm sao chúng tôi hiểu được rõ chuyện cái hòm bí-mật có đục lỗ thỏ mà thuật lại một cách châu-dào rành-rẻ cho đến đó: một điều nhỏ-nhen cũng không bỏ qua? Những điều nhỏ-nhen ấy, tồn lại, đã đem một ánh-sáng vừa mới-mẻ vừa bất-ngờ cho đoạn này trong lịch-sử nước Anh, đoạn mà cho tới ngày nay những bạn đồng-nghiệp viết sử vẫn còn đề mập-mờ trong bóng tối.

XXXVIII

D'Artagnan trả tiền và căn-dẫn bọn thủy-thủ xong rồi, chỉ còn lo trở về Paris cho sớm mà thôi. Athos cũn' gấp về thăm nhà và nghĩ nơi ch'ò k'õe, v' sau một cuộc hành-trình mệt-nhoc, kbach bộ-hành bao giờ đến lúc mặt trời khuất bóng, cũng khoan-khoái trong lòng, nhìn thấy đêm tối sẽ đưa lại cho mình một giấc ngủ ngon.

Trên con đường từ Boulogne về Paris, hai anh em cỡi ngựa cho đi kề nhau, mỗi người mắng lo việc riêng của mình mà không có nói chuyện chi đáng cho tôi thuật lại cho độc-giả nghe. Hai người, mạnh ai nấy lo nghĩ, mạnh ai nấy sắp-dặt buổi tương-lai theo ý của mình, nhưng lo nhất là cho ngựa sai mau để thâu vắn con đường lại. Đến chiều ngày thứ tư, hai anh em đã tới ngoại thành Paris. Athos bèn hỏi :

— Quý-hữu đi đâu? Chớ còn tôi, tôi đi ngay về chỗ ngụ của tôi.

— Tôi đi lại tiệm "Au Pilon-d'Or" của Planchet.

— Có phải là chúng ta đã hẹn rồi sẽ gặp nhau chăng?

— Nếu anh ở Paris thì gặp, vì tôi ở lại đây.

— Không, tôi không ở Paris. Tôi có bảo Raoul chớ tôi ở tại chỗ ngụ và hề tôi gặp mặt với nó rồi thì tôi trở về La Fère liền.

— Vậy thì tôi xin vĩnh-biệt anh.

(Còn tiếp)

LƯỢC DỊCH

An Phòng Phá-An Đông-Pháp ngày 24 Juin 1943 đã bãi đơn kháng án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC AN SAIGON

Trích-lục án Tòa Phức-An về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của quan Chương-lý Saigon đưng chống cái án Tòa tiêu-hình Phanhiết lên ngày 16 Janvier 1942 đã xử tên: PHAM-THAN, 48 tuổi, sanh và cư-ngụ tại Khánh-thiên (Bình-thuận) con của Pham-Mao (chết) và Trương-thi-Lương (chết).

Toà Phức-An Saigon (Phòng xử về việc tiêu-hình) đã lên án hiện diện cuối cùng ngày 7 Avril 1942, xử tên ấy HAI THẮNG TỬ TREO và hai ngàn năm trăm ngàn tiền và về tội trừ nước mắm giả hiệu, và xử phải trả tiền tụng lệ là 6 \$ 34.

Án ấy dạy phải ấn-hành bốn trích-lục ba lần trong những tờ báo quốc-văn xuất-bản tại Nam-kỳ hay tại Trung-kỳ tùy quyền quan Chương-lý lựa chọn, số phí về phần tội-nhơn phải trả, song giá tiền mỗi lần ấn-hành không được trên 30 \$ 00 và dạy phải dán bốn trích-lục ở tại nhà làng Khánh-thiên (Bình-thuận) và ở trước cửa tiệm của tội-nhơn trong một tuần lễ.

Giới hạn giam thâu định theo cách tối thiểu. Tội-nhơn đã có Ba lần tiền án.

Trích-lục y theo bốn chánh án đăng đề lên cho quan Chương-lý. Thay mặt quan Lục-sự Tòa Phức-An:

Ký tên : G. MICHEL. (có con dấu) Thi-hành theo lời thỉnh-cầu của quan Chương-lý. Quan Đại Luật-sự.

Ký tên : M. LEGER. (có con dấu) Lược dịch y theo bốn trích-lục án. Thông-ngôn hữu thệ :

UNG-VAN-THANH.

Chứng dấu ký tên trên đây của M. Ung-văn-Thanh, thông-ngôn hữu thệ về tiếng annam tại Tòa Án Saigon.

Saigon, le 20 Août 1943. Quan Đầu Phòng Dịch Văn-Tự. VO-PHAM JEAN.

LƯỢC DỊCH

An Phòng Phá-An Đông-Pháp ngày 24 Juin 1943 đã bãi đơn kháng án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC AN SAIGON

Trích-lục án Tòa Phức-An về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của quan Chương-lý Saigon đưng chống cái án Tòa tiêu-hình Phanhiết lên ngày 2 Janvier 1942 đã xử tên TRẦN-THI-MAI, 23 tuổi, sanh và cư-ngụ tại Mũi-Né (Bình-thuận) con của Trần-Lương và Ung-thi-Thuận.

Toà Phức-An Saigon (Phòng xử về việc tiêu-hình) đã lên án hiện diện cuối cùng ngày 7 Avril 1942 xử tên ấy BA THẮNG TỬ TREO và ba ngàn ngàn tiền và về tội trừ nước mắm giả và xử phải trả tiền tụng lệ là 6 \$ 34.

Án ấy dạy phải ấn-hành bốn trích-lục bốn kỳ báo trong những tờ báo quốc-văn xuất bản tại Nam-kỳ hay tại Trung-kỳ tùy quyền quan Chương-lý lựa chọn, số phí về phần tội-nhơn phải trả, song giá tiền mỗi lần ấn-hành không được trên 30 \$ 00 và dạy phải dán bốn trích-lục trong một tuần lễ ở cửa nhà làng Mũi-Né (Bình-thuận) và ở cửa tiệm nhà tội-nhơn.

Giới hạn giam thâu định theo cách tối thiểu. Tội-nhơn đã có Bốn lần tiền án.

Trích-lục y theo bốn chánh án đăng đề lên cho quan Chương-lý. Thay mặt quan Lục-sự Tòa Phức-An:

Ký tên : G. MICHEL. (có con dấu) Thi-hành theo lời thỉnh-cầu của quan Chương-lý. Quan Đại Luật-sự

Ký tên : M. LEGER. (có con dấu) Lược dịch y theo bốn trích-lục án. Thông-ngôn hữu thệ :

UNG-VAN-THANH.

Chứng dấu ký tên trên đây của M. Ung-văn-Thanh, thông-ngôn hữu thệ về tiếng annam tại Tòa Án Saigon.

Saigon, le 3 Septembre 1943. Quan Đầu Phòng Dịch Văn-Tự. VO-PHAM JEAN.